TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế, hủy quyết định hành chính là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Lê T Cầu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp chia thừa kế, hủy quyết định hành chính là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp 6, xã TP, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2.2. Anh Nguyễn Minh R, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Minh R: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2019 và ngày 03/01/2018) (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị E: Ông Đoàn Hữu Vũ,

sinh năm 1960; địa chỉ: 906, PT, Tân Mỹ O, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2022) (có mặt)

2.3. Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

2.4. Anh Nguyễn Thành Y, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2.5. Chị Nguyễn Thị Mỹ U, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp XD, xã LT, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Nguyễn Ngọc O, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc O: Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1963 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1946 (vắng mặt)

3.3. Anh Nguyễn Chí S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Chí S: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1979 (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019); (vắng mặt)

3.4. Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.5. Anh Nguyễn Quốc G, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc G: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

3.6. Bùi Thị Huyền H; (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Bùi Thị Huyền H: Bà Trần Thị Mươi, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Cả Thu 1, xã Phú G, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

3.7. Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giản Bá Huỳnh – Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Số 12 Trần Hưng Đạo, Phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Thành – Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Số 9 đường Nguyễn Văn Côn, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Hữu Vũ là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Cha mẹ hai bà là cụ Nguyễn Văn Sớm (sinh năm 1917, chết năm 1987) và cụ Đỗ Thị Vọng (sinh năm 1920, chết năm 1990). Cha mẹ bà có 04 người con gồm Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ngọc O, Nguyễn Ngọc Q.

Khi còn sống, cha mẹ các bà tạo lập được khối tài sản chung là 01 căn nhà có diện tích 144m^2 (ngang 09m x dài 16m) tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và các thửa đất số 426, 445, 451, 456, 457, 459 thuộc tờ bản đồ số 01 (theo hồ sơ 299) cùng tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi cha mẹ các bà chết thì bà Nguyễn Thị E tự ý kê khai đứng tên chủ sử dụng đất đối với toàn bộ tài sản của cha mẹ bà, kể cả căn nhà do cha mẹ để lại và đã được Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00120/LH ngày 07/9/1997, cụ thể gồm:

- Thửa đất số 386, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 2.522m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 555, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 1.420m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 562, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 889m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 568, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 5.612m^2, loại đất lúa (sau khi chuyển nhượng cho con bà E là anh Nguyễn Trọng Nhân phần đất có diện tích 3.715,5m^2 thì thửa đất này còn lại diện tích 1.896,5m^2);

- Thửa đất số 590, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 1.245m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 594, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 2.324m^2, loại đất lúa;

- Thửa đất số 751, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 718m^2, loại đất Q+T;

- Thửa đất số 796, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 946m^2, loại đất Q+T (đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho con bà E là anh Nguyễn Minh R);

- Thửa đất số 2649, tờ bản đồ số BD-C1, diện tích 500m^2, loại đất lúa;

Các thửa đất nêu trên cùng tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị E đã tặng cho con trai bà là anh Nguyễn Minh R phần đất có diện tích 946m^2 thuộc thửa số 796, tờ bản đồ BD-C1 và anh R đã được Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 278652, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H06489V-BD ngày 09/7/2008.

Do bà Nguyễn Thị E đã tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và tự ý tặng cho mà không được sự đồng ý của các anh chị em là vi phạm pháp luật

nghiêm trọng. Bởi vì đó là di sản thừa kế do cha mẹ các bà chết để lại, không lập di chúc.

Ngày 05/7/2017, hai bà có gửi Đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đến Ủy ban hòa giải ấp LH và Ủy ban nhân dân xã BĐ để yêu cầu hòa giải với bà Nguyễn Thị E. Tại Biên bản hòa giải ngày 18/7/2017 và 09/9/2017 thì kết quả hòa giải thành. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà E vẫn không chịu thực hiện theo kết quả hòa giải của các biên bản này. Mặc dù hai bà đã nhờ người đến đo vẽ nhưng bà E không cho đo vẽ để phân chia theo thỏa thuận tại các Biên bản hòa giải.

Xét thấy hành vi của bà Nguyễn Thị E đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai bà, do đó, hai bà khởi kiện yêu cầu:

Thứ nhất:

- Chia di sản thừa kế do cha mẹ hai bà để lại theo pháp luật, hai bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là phần đất.

- Bà Nguyễn Thị E: với tổng diện tích 4.629m^2 thuộc các thửa đất như sau: Thửa đất số 386, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 2.522m^2, đất lúa; Thửa đất số 562, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 889m^2, đất lúa; Thửa đất số 751, tờ bản đồ BDC1, diện tích 718m^2, đất Q+T; Thửa đất số 2649, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 500m^2, đất lúa.

- Bà Nguyễn Thị A: với tổng diện tích 5.612m^2 đất lúa thuộc thửa 568, tờ bản đồ số BDC1 (chưa trừ đê bao).

- Ông Nguyễn Ngọc O: với tổng diện tích là 4.515m^2, thuộc các thửa: 590, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 1.245m^2, đất lúa; Thửa đất số 594, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 2.324m^2, đất lúa; Thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2, đất Q+T.

- Bà Nguyễn Ngọc Q: với diện tích 1.420m^2, đất lúa thuộc thửa số 555, tờ bản đồ số BDC1.

Thứ hai:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 800120 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ bà Nguyễn Thị E ngày 07/9/1997;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06489V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T ngày 09/7/2008, thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06488V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Thành Y và chị Nguyễn Thị Mỹ U, diện tích 3.715,5m^2;

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 12/1/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc O trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Ngọc Q. Ông Nguyễn Ngọc O yêu cầu:

- Ông Nguyễn Minh R và bà Trần Thị Ngọc T trả lại cho ông O phần đất nhà thờ ông bà thuộc thửa 796, TBĐ số BD9C1, diện tích 946m^2 đất Q+T.

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị E chia cho ông O các thửa đất như sau: Thửa đất số 590, TBĐ số BD9C1, diện tích 1.245m^2 đất lúa; Thửa đất số 594, TBĐ số BDC1, diện tích 2.324m^2 đất lúa; Tất cả các phần đất nêu trên tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công.

Tại bản tự khai, ngày 03/01/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:

Trước đây bà có đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất số 00120/LHQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 07/9/1997. Nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và 01 thửa nhận chuyển nhượng từ ông Hiệp. Gồm các thửa đất cụ thể như sau:

- Phần đất lúa diện tích 2.522m^2, thuộc thửa số 386, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 1420m^2, thuộc thửa số 555, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 889m^2, thuộc thửa số 562, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 5612m^2, thuộc thửa số 568, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 1245m^2, thuộc thửa 590, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 2324m^2, thuộc thửa số 594, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất lúa diện tích 500m^2, thuộc thửa số 2649, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất thổ quả diện tích 718m^2, thuộc thửa số 751, tờ bản đồ BD-C1; Phần đất thổ quả diện tích 946m^2, thuộc thửa số 796, tờ bản đồ BD-C1.

Tất cả các thửa đất tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công.

Từ năm 1997 cho đến nay bà đã sử dụng các phần đất trên, ổn định, lâu dài trên 20 năm. Có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00120/LHQSDĐ; 01 đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và 01 đơn xác nhận tình trạng đất đai kèm theo. Trên phần đất thổ quả diện tích 718m^2, thuộc thửa số 751, tờ bản đồ số BD-C1, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công vợ chồng bà có xây dựng 01 căn nhà diện tích khoảng 180m^2.

Nay bà không đồng ý chia thừa kế cho bà Thị A và bà E vì quyền sử dụng đất là tài sản riêng của gia đình bà. Cha bà là cụ Nguyễn Văn Xóm, chết năm 1987, mẹ bà là cụ Đỗ Thị Vọng chết năm 1990, không để lại di sản. Bà yêu cầu bác yêu cầu chia thừa kế của bà Q và bà Thị A, đồng thời công nhận quyền sử dụng các phần đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của gia đình bà.

Tại bản tự khai, ngày 03 tháng 01 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Minh R trình bày:

Trước đây mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị E có đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất số 00120/LHQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 07/9/1997 cho bà Nguyễn Thị E. Nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và 01 thửa nhận chuyển nhượng từ ông Hiệp. Ngày 09/7/2008 bà E tặng cho anh phần đất thổ quả diện tích 946m^2, thuộc thửa 796, tờ bản đồ BD-C1, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công. Vợ chồng anh có xây 01 căn nhà diện tích khoảng 150m^2.

Nay anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Thị A và bà Q.

Tại bản tự khai, ngày 03/01/2018, bị đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Trước đây, mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị E có đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất số 00120/LHQSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 07/9/1997 cho bà Nguyễn Thị E. Nguồn gốc được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và 01 thửa nhận chuyển nhượng từ ông Hiệp.

Trước đây, mẹ chồng chị chuyển nhượng (tặng cho) vợ chồng chị phần đất lúa có diện tích 946m^2, thuộc thửa số 796, tờ bản đồ BD-C1 tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06489V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho Nguyễn Minh R và Trần Thị Ngọc T ngày 09/7/2008.

Nay bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Ngọc O khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng chị, chị không đồng ý vì quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản riêng của mẹ chồng chị, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật, khi chị xây dựng nhà trên đất thì các bên không tranh chấp.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Thành Y trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị E về nguồn gốc đất và quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị E. Ngày 16/6/2008, mẹ anh chuyển nhượng (tặng cho) anh phần đất lúa có diện tích 3.715,5m^2, thuộc thửa số 568, tờ bản đồ BD-C1 tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06488NĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho Nguyễn Thành Y và Nguyễn Thị Mỹ U ngày 09/7/2008 (anh và chị U đã ly hôn vào năm 2012).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc O, anh đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ. Anh yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất lúa diện tích 3715m^2, thuộc thửa 568, tờ bản đồ BD-C1, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công thuộc quyền sử dụng của anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ U trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của của anh Nguyễn Thành Y, không bổ sung gì thêm. Chị đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc O.

Về thủ tục đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, chị không có ý kiến, đề nghị Tòa án quyết định cơ quan tiến hành thủ tục này.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thành Y, không bổ sung gì thêm. Anh đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc O.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Thị Huyền H là bà Trần Thị Mươi không có bản tự khai trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công và Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông có đơn xin vắng mặt.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2022 bà Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị A yêu cầu:

Bà E chia cho ông Nguyễn Ngọc O một nền nhà chiều ngang giáp đường dale 6m, chiều dài hết đất, tổng diện tích 160,6m^2 thuộc thửa 796; Chia cho bà Thị A, bà E và ông O thửa đất 594 diện tích 2324m^2, thửa 590 diện tích 1.245m^2, tờ bản đồ số BD-C1 loại đất lúa, diện tích đo đạc thực tế thửa 594 + 590 là 3.803,5m^2.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2022 anh Nguyễn Chí D và chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Gia đình thống nhất đồng ý chia cho bà Thị A, bà Q và ông O 01 nền nhà chiều ngang giáp đường dale dài 6m, chiều dài hết đất tại thửa 796, tổng diện tích là 160,6m^2 và thửa đất số 555 diện tích là 1.420m^2 đo đạc thực tế là 1.743,6m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00120/LH ngày 07/9/1997 do hộ bà Nguyễn Thị E đứng tên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 74, khoản 1, 2 Điều 147, khoản 4 Điều 264; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660, Điều 375 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc O về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Sớm và cụ Đỗ Thị Vọng là: Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Ngọc O.

+ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Ngọc O, bà Nguyễn Thị E, chị Nguyễn Thị Ngọc T, anh Nguyễn Minh R, anh Nguyễn Chí D, chị Nguyễn Thị Mỹ U chia cho ông Nguyễn Ngọc O một phần đất thuộc thửa 796, tờ bản đồ địa chính số BD-C1, có diện tích 160,6 m^2, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 737.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 796.

- Phía Đông giáp đường bêtông.

- Phía Tây giáp thửa 798.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

+ Buộc bà Nguyễn Thị E chia cho bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Ngọc O các thửa đất số 594 và 590, có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.803,5m^2, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp rạch Ba Châu.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 595.

- Phía Đông giáp thửa 589.

- Phía Tây giáp thửa 598.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Bà Thị A, bà Q và ông O trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị E là 26.459.600 đồng.

- Bà Thị A, bà Q và ông O được quyền sở hữu 2.713 cây bạch đàn tại các thửa đất số 594 và 590.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Ngọc Q về việc yêu cầu chia cho: Bà Nguyễn Thị E tổng diện tích 4.629m^2 thuộc các thửa đất như sau: Thửa đất số 386, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 2.522m^2, đất lúa; Thửa đất số 562, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 889m^2, đất lúa; Thửa đất số 751, tờ bản đồ BDC1, diện tích 718m^2, đất Q+T; Thửa đất số 2649, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 500m^2, đất lúa; Bà Nguyễn Thị A: với tổng diện tích 5.612m^2 đất lúa thuộc thửa 568, tờ bản đồ số BDC1 (chưa trừ đê bao); Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 800120 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ bà Nguyễn Thị E ngày 07/9/1997; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06489V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T ngày 09/7/2008, thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06488V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Thành Y và chị Nguyễn Thị Mỹ U, diện tích 3.715,5m^2.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc O về việc yêu cầu: Anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T trả lại cho ông O phần đất nhà thờ ông bà thuộc thửa 796, TBĐ số BD9C1, diện tích 946m^2 đất Q+T.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/9/2022, ông Đoàn Hữu Vũ là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Nguyễn Thị E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:

Các đương sự đều thừa nhận các cụ chết không để lại di chúc và thừa nhận di sản do hai cụ để lại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản thừa kế là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan thấy rằng: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia cho ông O phần đất có diện tích 160,6m^2 tại thửa 796; chia chung cho Thành, Q và O các thửa 594 và 590 diện tích 3803,5 m^2. Các phần còn lại nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Như vậy, nguyên đơn bà Thị A và bà Q đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc O đã thay đổi yêu cầu độc lập.

[2] Chứng cứ đã thu thập thể hiện: Các đương sự thống nhất trình bày: cụ Nguyễn Văn Sớm chết năm 1987, cụ Đỗ Thị Vọng chết năm 1990, không để lại di chúc, hai cụ có 04 người con gồm: Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ngọc O và Nguyễn Ngọc Q. Do đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Sớm và cụ Đỗ Thị Vọng gồm có: Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ngọc O và Nguyễn Ngọc Q.

Quá trình giải quyết tranh chấp, các đương sự đều thừa nhận các thửa đất 751, 562, 568, 555, 594, 590 và 796 là tài sản của cụ Sớm và cụ Vọng có trước năm 1975 và được cụ Sớm đăng ký kê khai năm 1983. Tổng diện tích các thửa đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà E là 13.154m^2, diện tích theo đo đạc hiện nay là 13.455,6m^2. Cụ Nguyễn Văn Sớm và cụ Đỗ Thị Vọng chết không để lại di chúc, nên di sản của cụ Sớm và cụ Vọng được xác định là để lại cho các đồng thừa kế.

Xét thấy, các thửa đất này là tài sản của cụ Sớm và cụ Vọng, đã được cụ Sớm đăng ký kê khai trong sổ mục kê năm 1983 nhưng đến năm 1987 cụ Sớm

chết và năm 1990 cụ Vọng chết, đến năm 1997 thì bà E làm đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà E mà không có sự thống nhất của bà Thị A, bà Q và ông O nên không đúng quy định pháp luật; Do đó có cơ sở xác định các thửa đất 751, 562, 568, 555, 594, 590 và 796 là di sản của cụ Sớm và cụ Vọng.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thị A, bà Q và yêu cầu độc lập của ông O thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện ban đầu của bà Thị A và bà Q yêu cầu bà E chia di sản của cụ Sớm, cụ Vọng cho bà Thị A, bà Q và ông O như sau: Chia cho bà Nguyễn Thị A tổng diện tích 5.612m^2 đất lúa, thuộc thửa 568, tờ bản đồ số BDC1 (chưa trừ đê bao); Chia cho ông Nguyễn Ngọc O tổng diện tích là 4.515m^2, thuộc các thửa: 590, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 1.245m^2, đất lúa; Thửa đất số 594, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 2.324m^2, đất lúa; Thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2, đất Q+T; Chia cho bà Nguyễn Ngọc Q diện tích 1.420m^2, đất lúa thuộc thửa số 555, tờ bản đồ số BDC1; Ngoài ra bà Thị A và bà Q còn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 800120 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ bà Nguyễn Thị E ngày 07/9/1997; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06489V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T ngày 09/7/2008, thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06488V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Thành Y và chị Nguyễn Thị Mỹ U, diện tích 3.715,5m^2.

Nhưng đến phiên hòa giải ngày 27/6/2022 và tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị A chỉ còn yêu cầu: bà E chia cho ông Nguyễn Ngọc O một nền nhà chiều ngang giáp đường dale 6m, chiều dài hết đất, tổng diện tích 160,6m^2 thuộc thửa 796; Chia cho bà Thị A, bà Q và ông O thửa đất 594 diện tích 2.324m^2, thửa 590 diện tích 1.245m^2, tờ bản đồ số BD-C1 loại đất lúa, diện tích đo đạc thực tế thửa 594 + 590 là 3.803,5 m^2.

Như vậy, bà Thị A, bà Q đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông O đã thay đổi yêu cầu độc lập.

Tại phiên hòa giải ngày 27/6/2022 và tại phiên tòa chị T và anh D đồng ý chia cho bà Thị A, bà Q và ông O 01 nền nhà chiều ngang giáp đường dale dài 6m, chiều dài hết đất tại thửa 796, tổng diện tích là 160,6m^2 và thửa đất số 555 diện tích là 1.420m^2 đo đạc thực tế là 1.743,6m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00120/LH ngày 07/9/1997 do hộ bà Nguyễn Thị E đứng tên. Chị U thống nhất ý kiến của anh D và chị T.

Nhận thấy, giữa người đại diện theo ủy quyền của bà E, anh R là anh D, chị T và chị U đã thỏa thuận được việc chia thừa kế cho ông O phần đất có diện tích 160,6m^2 tại thửa 796 sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Đối với tổng diện tích các thửa đất số 751, 562, 568, 555, 594, 590 và 796 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà E là 13.154m^2, diện tích theo đo đạc hiện nay là 13.455,6m^2. Nếu chia đều cho 4 kỷ phần thì mỗi kỷ phần là 3.363m^2 nhưng bà Thị A, bà Q và ông O chỉ yêu cầu bà E chia tổng cộng là 3.964,3m^2 là ít hơn nhiều so với kỷ phần đáng lẽ ra họ được hưởng nên việc bà Thị A, bà Q và ông O yêu cầu bà E chia thừa kế đối với các thửa 594 và 590 có tổng diện tích là 3.803,5m^2 là có căn cứ pháp luật. Do các tài sản này hiện nay do bà E đang quản lý nên buộc bà E chia thừa kế lại cho bà Thị A, bà Q và ông O các thửa đất số 594 và 590 có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 3.803,5m^2.

Phía bà E chỉ đồng ý chia cho bà Thị A, bà Q và ông O thửa đất 555 theo đo đạc thực tế có diện tích là 1.740 m^2 nhưng không được phía bà Thị A, bà Q và ông O chấp nhận nên không được ghi nhận.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia cho họ diện tích đất 3.803,5 m^2 là đã có lợi nhiều cho phía bị đơn.

[4] Tóm lại: Trong tranh chấp này, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng pháp luật.

Phía bị đơn bà E kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Do là người cao tuổi, vì vậy bà E được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; Điều 660, Điều 375 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc O về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Sớm và cụ Đỗ Thị Vọng là: Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị A, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Ngọc O.

+ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Ngọc O, bà Nguyễn Thị E, chị Nguyễn Thị Ngọc T, anh Nguyễn Minh R, anh Nguyễn Chí D, chị Nguyễn Thị Mỹ U chia cho ông Nguyễn Ngọc O một phần đất thuộc thửa 796, tờ bản đồ địa chính số BD-C1, có diện tích 160,6 m^2, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 737.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 796.

- Phía Đông giáp đường bêtông.

- Phía Tây giáp thửa 798.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

+ Buộc bà Nguyễn Thị E chia cho bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q và ông Nguyễn Ngọc O các thửa đất số 594 và 590, có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.803,5m^2, tọa lạc tại ấp LH, xã BĐ, thị xã Gò Công, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp rạch Ba Châu.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa 595.

- Phía Đông giáp thửa 589.

- Phía Tây giáp thửa 598.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Bà Thị A, bà Q và ông O trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Thị E là 26.459.600 đồng.

- Bà Thị A, bà Q và ông O được quyền sở hữu 2.713 cây bạch đàn tại các thửa đất số 594 và 590.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Ngọc Q về việc yêu cầu chia cho: Bà Nguyễn Thị E tổng diện tích 4.629m^2 thuộc các thửa đất như sau: Thửa đất số 386, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 2.522m^2, đất lúa; Thửa đất số 562, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 889m^2, đất lúa; Thửa đất số 751, tờ bản đồ BDC1, diện tích 718m^2, đất Q+T; Thửa đất số 2649, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 500m^2, đất lúa; Bà Nguyễn Thị A: với tổng diện tích 5.612m^2 đất lúa thuộc thửa 568, tờ bản đồ số BDC1 (chưa trừ đê bao); Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 800120 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho hộ bà Nguyễn Thị E ngày 07/9/1997; Hủy Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H06489V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T ngày 09/7/2008, thửa đất số 796, tờ bản đồ số BDC1, diện tích 946m^2; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06488V-BĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho anh Nguyễn Thành Y và chị Nguyễn Thị Mỹ U, diện tích 3.715,5m^2.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc O về việc yêu cầu: Anh Nguyễn Minh R và chị Trần Thị Ngọc T trả lại cho ông O phần đất nhà thờ ông bà thuộc thửa 796, TBĐ số BD9C1, diện tích 946m^2 đất Q+T.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Ngọc O mỗi người phải chịu 17.525.250 đồng, đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị E phải trả lại bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Ngọc O tiền chi phí tố tụng là 17.525.250 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Ngọc O.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí 9.821.000 đồng theo biên lai thu số 42232 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 13.774.000 đồng án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp là 2.485.000 đồng theo biên lai thu số 42233 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại ông Nguyễn Ngọc O tiền tạm ứng án phí 4.896.625 đồng theo biên lai thu số 42291 ngày 12 tháng 01 năm 2018 Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị E; hoàn lại 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị E theo biên lai thu tiền số 0000284 ngày 21/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- NĐ;
- BĐ;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 24bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười